

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 11/2023





A. CÁC CÔNG VĂN HƯỚNG DẪN GIẢI ĐÁP

1. Công văn số 4205/TCT-CS ngày 22/9/2023 của Tổng cục thuế về thuế GTGT
2. Công văn số 4303/TCT-CS ngày 27/9/2023 về chính sách lệ phí trước bạ
3. Công văn số 4383/TCTCS ngày 04/10/2023 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế
4. Công văn số 70784/CTHN-TTHT ngày 02/10/2023 của Cục thuế TP. Hà Nội về chính sách thuế TNCN đối với cá nhân không cư trú
5. Công văn số 4517/TCT-QLN ngày 12/10/2023 của Tổng cục Thuế về việc xóa nợ theo Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14
6. Công văn số 4602/TCTCS ngày 17/10/2023 của Tổng cục Thuế về nghĩa vụ thuế đối với chuyển nhượng vốn góp tại Việt Nam cho công ty cùng Tập đoàn
7. Công văn số 3705/TCT-CS ngày 22/8/ 2023 về chính sách thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn
8. Công văn số 4666/TCT-CS ngày 23/10/2023 về xác định tỷ giá hạch toán đối với thuế nhà thầu nước ngoài.

B. VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg ngày 03/10/2023 về việc giảm tiền thuê đất năm 2023
2. Quy định mới về thu phí lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh
3. Sửa đổi, bổ sung một số quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/09/2023 của Chính phủ
4. Quy định mới về mức thu phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm
5. Xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành thống kê

A. CÁC CÔNG VĂN HƯỚNG DẪN GIẢI ĐÁP





1. Công văn số 4205/TCT-CS ngày 22/9/2023 của Tổng cục thuế về thuế GTGT.

Tổng cục Thuế nhận được văn bản số CV-0708/2023 ngày 7/8/2023 của Công ty CPTM và XNK Nam Anh về thuế giá trị gia tăng. Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ Điều 3 Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 quy định đối tượng chịu thuế;

Căn cứ khoản 1 Điều 8 Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ.

Căn cứ Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính

Căn cứ quy định pháp luật về thuế GTGT thì dịch vụ xuất khẩu là dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, tiêu dùng trong khu phi thuế quan. Trường hợp Công ty cung ứng dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nhưng tiêu dùng tại Việt Nam thì áp dụng thuế suất thuế GTGT 10% theo quy định.

2. Công văn số 4303/TCT-CS ngày 27/9/2023 về chính sách lệ phí trước bạ.

Theo Tổng cục thuế, trường hợp công ty cho thuê tài chính mua tài sản của đơn vị có tài sản sau đó cho thuê lại cho chính bên bán tài sản mà tài sản đó không nộp lệ phí trước bạ (do thuộc đối tượng được miễn lệ phí trước bạ) thì công ty cho thuê tài chính không được miễn nộp lệ phí trước bạ.

3. Công văn số 4383/TCTCS ngày 04/10/2023 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 2622/CTHPH-TTHT ngày 29/5/2023 của Cục Thuế tp Hải Phòng về chính sách thuế. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến:

1. Về việc chuyển lỗ từ chi nhánh sang công ty mẹ

Tại Điều 7 và khoản 3 Điều 20 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, Pháp luật thuế TNDN hiện hành quy định chuyển lỗ trong trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và không có quy định chuyển lỗ trong trường hợp chi nhánh hạch toán độc lập chuyển đổi sang hạch toán phụ thuộc.

2. Về thời điểm lập hóa đơn GTGT

Ngày 29/5/2023, Tổng cục Thuế đã có công văn số 2121/TCT-CS gửi Cục Thuế các tỉnh, tp trực thuộc trung ương về việc lập hóa đơn thực hiện Nghị định số 15/2022/NĐ-CP, đề nghị Cục Thuế TP Hải Phòng nghiên cứu và hướng dẫn người nộp thuế thực hiện.



4. Công văn số 70784/CTHN-TTHT ngày 02/10/2023 của Cục thuế TP. Hà Nội về chính sách thuế TNCN đối với cá nhân không cư trú.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 08082023 ngày 08/08/2023 của Ngân hàng KEB Hana - chi nhánh Hà Nội đề nghị giải đáp vướng mắc về chính sách thuế đối với cá nhân không cư trú. Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Luật thuế TNCN số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007 của Quốc hội
- Căn cứ Điều 2 Thông tư 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014 của Bộ Tài chính
- Căn cứ Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính
- Căn cứ Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính
- Căn cứ Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Ngân hàng KEB Hana (Hội sở chính tại Hàn Quốc) cử nhân viên cấp cao sang thăm chi

nhánh tại Việt Nam trong 02 ngày thì các nhân viên này trong thời gian ở Việt Nam được xác định là cá nhân không cư trú theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Luật Thuế thu nhập cá nhân. Thu nhập chịu thuế TNCN tại Việt Nam đối với cá nhân không cư trú là các khoản thu nhập phát sinh tại Việt Nam không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014 của Bộ Tài chính.

Trường hợp các cá nhân không cư trú nhận được khoản lợi ích về nhà ở và các lợi ích khác bằng tiền hoặc không bằng tiền do Ngân hàng KEB Hana - chi nhánh Hà Nội tại Việt Nam chi trả thì khoản lợi ích này được xác định là thu nhập từ tiền lương, tiền công chịu thuế TNCN tại Việt Nam theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính. Chi nhánh có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN theo thuế suất 20% trước khi chi trả thu nhập cho cá nhân theo hướng dẫn tại Điều 18 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính.

Nếu việc cử chuyên gia của Hội sở chính sang công tác tại Chi nhánh tại Việt Nam cho mục đích công việc và để phục vụ cho hoạt động của Chi nhánh thì khoản chi phí mà Chi nhánh chi trả cho các chuyên gia này được được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính và được khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

5. Công văn số 4517/TCT-QLN ngày 12/10/2023 của Tổng cục Thuế về việc xóa nợ theo Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14

Liên quan đến điều kiện xem xét xóa nợ thuế quá 10 năm, Tổng cục Thuế đã yêu cầu căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 85 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và điểm c khoản 2 Điều 65 Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

Theo đó, trường hợp doanh nghiệp có khoản nợ thuế đã quá 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế nhưng không có khả năng thu hồi thì được xem xét xóa nợ.

Hồ sơ đề nghị xem xét xóa nợ thuế quá 10 năm không có khả năng thu hồi bao gồm:

- Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/XOANO ban hành kèm Phụ lục I;
- Văn bản của cơ quan thuế quản lý trực tiếp đề nghị cơ quan ĐKKD hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký đầu tư;



A. CÔNG VĂN LIÊN QUAN CHÍNH SÁCH THUẾ

6. Công văn số 4602/TCTCS ngày 17/10/2023 của Tổng cục Thuế về nghĩa vụ thuế đối với chuyển nhượng vốn góp tại Việt Nam cho công ty cùng Tập đoàn

- Công ty nước ngoài có kế hoạch tái cấu trúc nội bộ và chuyển giao toàn bộ vốn đầu tư tại Việt Nam sang cho Công ty nước ngoài khác cùng tập đoàn thì phải nộp thuế TNDN từ chuyển nhượng vốn theo quy định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC. Việc kê khai thuế TNDN từ chuyển nhượng vốn thực hiện theo quy định tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP và Thông tư 80/2021/TT-BTC

- Ngoài ra, trường hợp Công ty nước ngoài có chuyển giao quyền nắm giữ vốn tại Việt Nam cho Công ty khác trong tập đoàn, nếu phát sinh thu nhập thì cũng phải kê khai, nộp thuế TNDN theo quy định.

- Trường hợp Công ty chuyển nhượng và Công ty nhận chuyển nhượng vốn đều ở nước ngoài thì Công ty Việt Nam có sổ vốn được chuyển nhượng chịu trách nhiệm kê khai, nộp thay thuế TNDN từ chuyển nhượng vốn cho Công ty nước ngoài.

7. Công văn số 3705/TCT-CS ngày 22/8/2023 về chính sách thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn

Về thuế thu nhập cá nhân, trường hợp cá nhân không cư trú, không có thu nhập chịu thuế phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam thì không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động chuyển nhượng vốn trong doanh nghiệp tại Nhật Bản.

Về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), trường hợp các nhà đầu tư là tổ chức chuyển nhượng vốn góp trong doanh nghiệp tại Nhật Bản sở hữu gián tiếp 100% vốn điều lệ của Công ty tại Việt Nam, nếu có phát sinh thu nhập thì thuộc diện chịu thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam. Công ty tại Việt Nam có trách nhiệm kê khai và nộp thay số thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng vốn của tổ chức nước ngoài.

Nếu muốn áp dụng Hiệp định giữa Chính phủ Nhật Bản và Chính phủ Việt Nam thì doanh nghiệp nộp hồ sơ Thông báo miễn giảm thuế theo Hiệp định đến cơ quan quản lý thuế trực tiếp để cơ quan thuế xem xét, hướng dẫn theo quy định của pháp luật.



A. CÔNG VĂN LIÊN QUAN CHÍNH SÁCH THUẾ

8. Công văn số 4666/TCT-CS ngày 23/10/2023 về xác định tỷ giá hạch toán đối với thuế nhà thầu nước ngoài.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 576/CT-QLT1 ngày 22/3/2023 của Cục thuế doanh nghiệp lớn về việc xác định tỷ giá nộp thuế nhà thầu, trên cơ sở tổng hợp ý kiến các đơn vị, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

- Khoản 4 Điều 2 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015

- Điều 7 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 quy định:

- Điều 4 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính

- Điểm 1.3 khoản 1 Điều 69 Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Căn cứ các quy định trên, cho mục đích ghi sổ kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính thì doanh nghiệp cần xác định trường hợp nộp thay thuế cho nhà thầu nước ngoài là giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế hay chưa để xác định tỷ giá hạch toán cho phù hợp:

- Đối với trường hợp mà theo hợp đồng thuế nhà thầu nước ngoài là khoản nợ phải thu của doanh nghiệp tại Việt Nam thì tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch;

- Đối với trường hợp mà theo hợp đồng thuế nhà thầu nước ngoài được tính vào giá trị tài sản hoặc các khoản chi phí mua từ nhà thầu nước ngoài mà chưa thanh toán ngay thì tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch;

- Đối với trường hợp mà theo hợp đồng thuế nhà thầu nước ngoài được tính vào giá trị tài sản hoặc các khoản chi phí mua từ nhà thầu nước ngoài thì tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Người nộp thuế thực hiện kê khai điều chỉnh theo đúng quy định tại Điều 47 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg ngày 03/10/2023 về việc giảm tiền thuê đất năm 2023
2. Quy định mới về thu phí lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh
3. Sửa đổi, bổ sung một số quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/09/2023 của Chính phủ
4. Quy định mới về mức thu phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm
5. Xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành thống kê



1/ Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg ngày 03/10/2023 về việc giảm tiền thuê đất năm 2023

Đối tượng được giảm tiền thuê đất năm 2023

Đối tượng được giảm tiền thuê đất năm 2023 là tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức thuê đất trả tiền hàng năm (người thuê đất).

Ngoài ra, áp dụng cho cả trường hợp người thuê đất không thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất, hết thời hạn được miễn, giảm tiền thuê đất và trường hợp người thuê đất đang được giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai (Luật Đất đai và các văn bản quy định chi tiết Luật Đất đai) và pháp luật khác có liên quan.

Mức giảm tiền thuê đất năm 2023

Giảm 30% tiền thuê đất phải nộp (phát sinh thu) của năm 2023 đối với người thuê đất theo Quyết định 25/2023/QĐ-TTg; không thực hiện giảm trên số tiền thuê đất còn nợ của các năm trước năm 2023 và tiền chậm nộp (nếu có).

Mức giảm tiền thuê đất này được tính trên số tiền thuê đất phải nộp (phát sinh thu) của năm 2023 theo quy định của pháp luật.

Trường hợp người thuê đất đang được giảm tiền thuê đất theo quy định hoặc/và khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về tiền thuê đất thì mức giảm 30% tiền thuê đất được tính trên số tiền thuê đất phải nộp (nếu có) sau khi đã được giảm hoặc/và khấu trừ theo quy định của pháp luật (trừ số tiền thuê đất được giảm theo QĐ 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ).

Về trình tự, thủ tục, người thuê đất nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị giảm tiền thuê đất (bằng một trong các phương thức: Trực tiếp, điện tử, bưu chính) cho cơ quan thuế quản lý thu tiền thuê đất, Ban Quản lý Khu kinh tế, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, cơ quan khác theo quy định của pháp luật về quản lý thuế kể từ thời điểm Quyết định 25/2023/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31/3/2024.

Không áp dụng giảm tiền thuê đất theo quy định tại Quyết định 25/2023/QĐ-TTg đối với trường hợp người thuê đất nộp hồ sơ sau ngày 31/3/2024.

Quyết định 25/2023/QĐ-TTg có hiệu lực kể từ ngày 20/11/2023.

2/ Quy định mới về thu phí lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh

Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 62/2023/TT-BTC ngày 3/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2021/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 18/11/2023.

Theo đó, tổ chức thu phí là Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Công an, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Công an xã, phường, thị trấn.

Tổ chức thu phí được trích lại 25% (thay cho mức 20% theo quy định tại Thông tư số 25/2021/TT-BTC) số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.



3/ Sửa đổi, bổ sung một số quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam tại Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/09/2023 của Chính phủ

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/9/2023, theo đó thẩm quyền chấp thuận về việc sử dụng người lao động nước ngoài thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (trước đây, thẩm quyền thuộc về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

Về thời gian báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài, Nghị định rút ngắn thời gian báo cáo giải trình xuống còn ít nhất 15 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài. Và nếu thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài về vị trí, chức danh công việc, hình thức làm việc, số lượng, địa điểm thì phải báo cáo trước ít nhất 15 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài (trước đây ít nhất 30 ngày).

Kể từ ngày 01/01/2024, việc thông báo tuyển dụng người lao động Việt Nam vào các vị trí dự kiến tuyển dụng người lao động nước ngoài được thực hiện trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm) hoặc Cổng thông tin điện tử của Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập với thời hạn ít nhất 15 ngày kể từ ngày dự kiến báo cáo giải trình với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người lao động nước ngoài dự kiến làm việc.

Sau khi không tuyển được người lao động Việt Nam vào các vị trí tuyển dụng người lao động nước ngoài, người sử dụng lao động có trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài và báo cáo theo quy định.

4/ Quy định mới về mức thu phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm

Thông tư số 61/2023/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28/9/2023 quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm (đăng ký biện pháp bảo đảm) đối với động sản (trừ chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, tàu bay), tàu biển, cây hằng năm theo quy định tại Luật Trồng trọt, công trình tạm theo quy định tại Luật Xây dựng, gồm:

- a) Phí đăng ký giao dịch bảo đảm.
- b) Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm.
- c) Phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm.

Tổ chức thu phí là Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản được để lại 85% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí (bao gồm cả chi phí để Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm trang trải cho việc quản lý, vận hành, duy trì Hệ thống đăng ký trực tuyến, cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp); nộp 15% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

Tổ chức thu phí là cơ quan Nhà nước: Nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào NSNN. Nguồn chi phí trang trải cho việc cung cấp dịch vụ, thu phí do NSNN bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi NSNN.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/2023.

5/ Xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành thống kê

Thông tư số 08/2023/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư có hiệu lực từ 15/11/2023 quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành thống kê.

Theo đó, các ngạch công chức chuyên ngành thống kê sẽ được xếp lương như sau:

- Ngạch Thống kê viên cao cấp (mã số 23.261): Hệ số lương 6,20 - 8,00, tương đương 9,238 đến 11,92 triệu đồng/tháng.
- Ngạch Thống kê viên chính (mã số 23.262): Hệ số lương 4,40 - 6,78, tương đương 6,556 đến 10,102 triệu đồng/tháng.
- Ngạch Thống kê viên (mã số 23.263): Hệ số lương 2,34 - 4,98, tương đương 3,486 - 7,420 triệu đồng/tháng.
- Ngạch Thống kê viên trung cấp (mã số 23.264): Hệ số lương 2,10 - 4,89, tương đương 3,129 đến 7,286 triệu đồng/tháng.
- Ngạch Nhân viên thống kê (mã số 23.265): Hệ số lương 1,86 - 4,06, tương đương 2,771 đến 6,049 triệu đồng/tháng.

Các thông tin trên Bản tin của Công ty Kiểm toán CPA VIETNAM được chúng tôi cập nhật từ các văn bản pháp quy do các cơ quan nhà nước ban hành trên các phương tiện thông tin đại chúng và cho mục đích tham khảo. Bản tin này nhằm chuyển tới Quý vị các thông tin khái quát không bao gồm toàn bộ các nội dung cụ thể có liên quan và không được sử dụng như các thông tin tư vấn cụ thể. Các tổ chức/cá nhân nếu muốn áp dụng các quy định khái quát trong tài liệu này vào trường hợp cụ thể nào đó đều cần phải có sự tham khảo ý kiến của các chuyên gia tư vấn của chúng tôi. Do vậy Công ty Kiểm toán CPA VIETNAM sẽ không chịu bất cứ thiệt hại do kết quả của việc người đọc chỉ dựa vào các thông tin khái quát trong tài liệu này.



CPAVIETNAM



Trụ sở chính

Tầng 8, Cao ốc Văn
phòng VG Building, 235
Nguyễn Trãi, Q. Thanh
Xuân, TP. Hà Nội.

Tel : 024 3783 2121

Fax: 024 3783 2122



VP. Đại diện

Tầng 16, Tòa nhà T01-
C37 Bắc Hà, đường Tố
Hữu, Q.Nam Từ Liêm,
TP. Hà Nội.

Tel : 024 6666 6368

Fax: 024 6666 6368



CN. Miền Nam

Tầng 4, Tòa nhà
Hoàng Anh Safomec,
7/1 Thành Thái, P.14,
Q.10, TP. Hồ Chí
Minh.

Tel : 028 3832 9969

Fax: 028 3832 9959



CN. Miền Bắc

Số 97 Trần Quốc Toản,
phường Trần Hưng Đạo,
quận Hoàn Kiếm, TP.
Hà Nội.

Tel : 024 7306 1268

Fax: 024 7306 1269